

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG 3**

Số tín chỉ : 02

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Không chuyên

Năm 2019

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Ngành đào tạo: Không chuyên
Trình độ đào tạo: Đại học

- 1. Tên học phần:** Tiếng Trung 3
- 2. Mã học phần:** TTRUNG 202
- 3. Số tín chỉ:** 02 (2,0)
- 4. Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ hai (Kỳ II)
- 5. Phân bổ thời gian**
 - **Lên lớp:** 30 tiết (Lý thuyết: 30 tiết, thực hành: 0 tiết)
 - **Tự học:** 60 giờ
- 6. Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên học xong học phần Tiếng Trung 2
- 7. Giảng viên**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.158	nthoa@saodo.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	ntlans@saodo.edu.vn
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	bttrang@saodo.edu.vn
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ntxuyen@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Tiếng Trung 3 gồm 7 bài, được sắp xếp theo thứ tự tương ứng của các bài học trong “Giáo trình Hán ngữ tập 1” quyển hạ. Mỗi nội dung bài học gồm 5 phần: Bài khóa, từ mới, chú thích, ngữ pháp, ngữ âm, bài tập, cung cấp. Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên kiến thức về từ vựng, cách dùng từ và cấu trúc câu có liên quan đến các chủ đề giao tiếp hàng ngày trong học phần như: các hoạt động hàng ngày, sở thích cá nhân, cách biểu đạt thời gian... Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: cách nói giờ, câu kiêm ngữ, phương vị từ, cách biểu đạt sự tồn tại, cách sử dụng giới từ “从, 离, 往”, động từ năng nguyện, bổ ngữ trạng thái, trợ từ “了”, bổ ngữ thời lượng, động từ ly hợp... Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Trình bày kiến thức về các nội dung sau: - Từ vựng, cấu trúc giao tiếp trong cuộc sống, giao tiếp, công việc hàng ngày. - Các hiện tượng ngữ pháp cơ bản	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
	Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản, đảm bảo giao tiếp được trong các tình huống thông thường của cuộc sống, công việc hàng ngày	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Liệt kê được từ vựng thuộc các chủ đề giao tiếp: kể về các hoạt động hàng ngày, sở thích, cách biểu đạt phương hướng, thời gian, khả năng...	2	[2.1.3]
CDR1.2	Trình bày được từ loại, nghĩa, cách phát âm, cách viết của từ vựng thuộc các chủ đề giao tiếp.	2	
CDR1.3	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm ngữ pháp của câu kiêu ngữ.	2	
CDR1.4	Trình bày được cách biểu đạt thời gian, phương hướng và vị trí (phương vị từ), cách biểu đạt sự tồn tại, cách	2	

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
	hỏi nguyên nhân.		
CDR1.5	Nêu được định nghĩa, cách dùng của các động từ năng nguyện, trợ từ ngữ khí và động thái “了” .	2	
CDR1.6	Nêu được định nghĩa, cấu trúc ngữ pháp, đặc điểm của bổ ngữ trạng thái.	2	
CDR1.7	Trình bày được cách dùng ngữ điệu nghi vấn trong câu hỏi, cách hỏi với “多” .	2	
CDR1.8	Trình bày được cách dùng “以前” và “以后”, “离”, “从” và “往”, “再” và “又”, “因为……所以”	2	
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Biết viết đúng và nhớ mặt chữ, nghĩa các chữ Hán trong học phần.	2	
CDR2.2	Phát âm chuẩn và sử dụng đúng các từ vựng trong học phần.	2	
CDR2.3	Áp dụng các hiện tượng ngữ pháp để diễn đạt ý muốn nói, đặt câu, viết đoạn, dịch bài đọc hiểu có liên quan đến kiến thức của học phần đúng và chính xác.	3	
CDR2.4	Nghe hiểu nội dung về các chủ đề giao tiếp trong học phần: kể về các hoạt động hàng ngày, sở thích, cách biểu đạt phương hướng, thời gian, khả năng...	3	[2.2.8]
CDR2.5	Hội thoại, đọc thoại được về chủ đề giao tiếp trong học phần: kể về các hoạt động hàng ngày, sở thích, cách biểu đạt phương hướng, thời gian, khả năng...	3	
CDR2.6	Đọc hiểu được các đoạn văn 80-150 từ về các chủ đề giao tiếp trong học phần: kể về các hoạt động hàng ngày, sở thích, cách biểu đạt phương hướng, thời gian, khả năng...	3	
CDR2.7	Sử dụng từ mới và cấu trúc ngữ pháp trong học phần viết được các đoạn văn ngắn khoảng 50-80	4	

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
	từ về các chủ đề: kể về các hoạt động hàng ngày, sở thích, cách biểu đạt phương hướng, thời gian, khả năng...		
CĐR2.8	Trả lời phỏng vấn các thông tin cá nhân, học tập, hoạt động hàng ngày, sở thích...	4	
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CĐR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm một cách hiệu quả.		
CĐR3.4	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	CDR																			
		CDR1								CDR2								CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
1	第二十一课 我们明天七点一刻出发	x	x							x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
2	第二十二课 我打算请老师叫我京剧	x	x	x					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
3	第二十三课 学校里边有邮局吗	x	x		x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
4	第二十四课 我想学太极拳	x	x		x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
5	第二十五课 她学得很好	x	x				x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
6	第二十六课 田芳去哪儿了	x	x			x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
7	第二十七课 玛丽哭了	x	x			x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học phần.
CDR2	Kết quả thảo luận trên lớp, thực hiện nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
CDR3	Kiểm tra thường xuyên, kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân và theo nhóm, thi kết thúc học phần.

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, làm bài tập ở nhà, chuyên cần của sinh viên	- Mức độ tham dự lớp học, nhận thức, ý thức thảo luận. - Chuẩn bị bài tập về nhà.	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Kiểm tra giữa học phần	Kiểm tra 01 bài (90 phút)	30%	
3	Thi kết thúc học phần	Thi tự luận (90 phút)	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên thông qua tỉ lệ hiện diện của sinh viên trên lớp, ý thức tự học, ý thức tham gia xây dựng bài, thực hiện các nhiệm vụ về nhà và hoạt động nhóm...

- Kiểm tra giữa học phần được thực hiện sau khi sinh viên học được 1/2 chương trình, đánh giá theo hình thức tự luận:

- + Thời gian làm bài: 90 phút.
- + Sinh viên không sử dụng tài liệu.

- Thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận:

- + Thời gian làm bài: 90 phút.
- + Sinh viên không sử dụng tài liệu.

12. Phương pháp dạy và học

- Tại lớp học lý thuyết, giảng viên hướng dẫn sinh viên phát âm, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp,... hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên cũng trình bày phân tích cấu trúc và lấy ví dụ minh họa. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình thực hành hội thoại giảng viên định hướng cho sinh viên học tập theo định hướng năng lực thực

hiện: hội thoại đóng vai nhân vật kết hợp với thể hiện tác phong của nhân vật tham gia hội thoại.

- Sinh viên chủ động tiếp cận các phương pháp học trực tuyến với sự trợ giúp của máy tính trong giờ tự học ở nhà.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc giáo trình trước khi đến lớp.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu trước khi đến lớp. Thực hiện tốt nhiệm vụ được giảng viên phân công. Ghi chép và tích cực thảo luận, xây dựng bài trên lớp.

- Yêu cầu về thực hiện nhiệm vụ về nhà: Sinh viên thực hiện nghiêm túc các nội dung tự học ở nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên, hoàn thành tất cả bài tập và nhiệm vụ giảng viên giao.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo quy chế.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa học phần và thi kết thúc học phần: Sinh viên thực hiện theo quy chế.

14. Tài liệu phục vụ học phần

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1]. Dương Ký Châu (2007), *Giáo trình Hán ngữ quyển 1 (Hạ)*, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

- **Tài liệu tham khảo:**

[2] - Khương Lê Bình (2013), *Giáo trình HSK 1*, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

[3] - Khương Lê Bình (2013), *Giáo trình HSK 2*, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

15. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	<p>第二十一课 我们明天七点一刻出发</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Sử dụng đúng các từ “来”，“去”，“在”，“从”，“到” - Biết cách sử dụng vĩ từ “们” - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p>	2		<p>[1]</p> <p>[2]</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trang 68- 72 tài liệu [1] - Đọc trang 82- 83 tài liệu [2]

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	二、生词 三、注释				
2	第二十一课 我们明天七点一刻出发 (继) Mục tiêu: - Hiểu và biết biểu đạt thời gian bằng tiếng Trung - Hội thoại giới thiệu 1 ngày của bản thân sử dụng cấu trúc biểu đạt thời gian. Nội dung cụ thể: 四、语法：时间的表达 五、语音 六、练习	2		[1] [2]	- Đọc trang 72- 74 tài liệu [1] - Đọc trang 84-85 tài liệu [2] - Hoàn thành: Bài tập trang 74 - 80 tài liệu [1].
3	第二十二课 我打算请老师教我京剧 Mục tiêu: - Phát âm và viết đúng các từ vựng nói về sở thích. - Biết cách sử dụng câu “是啊”，phân biệt “以前” và “以后”，cách sử dụng cấu trúc “对 + 名词”. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释	2		[1] [3]	- Đọc trang 82- 86 tài liệu [1]. - Đọc trang 76 tài liệu [3].
4	第二十二课 我打算请老师教我京剧 (继) Mục tiêu: - Hiểu và biết cách sử dụng câu kiêm ngữ. - Hội thoại nói về sở thích của bản thân. Nội dung cụ thể: 四、语法：兼语句 五、语音 六、练习	2		[1] [3]	- Đọc trang 86- 88 tài liệu [1]. - Đọc trang 60 tài liệu [3]. - Hoàn thành: Bài tập trang 88-94 tài liệu [1].

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
5	第二十三课学校里边有邮局吗 Mục tiêu: - Phát âm và viết đúng các từ vựng chỉ phương hướng - Biết cách sử dụng động từ “有”, câu hỏi sử dụng cấu trúc “多.....” - Đọc và dịch lưu loát bài khóa Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释	2		[1]	- Đọc trang 96-101 tài liệu [1] - Luyện nghe bài khóa bài 23 tài liệu [1]
6	第二十三课学校里边有邮局吗 (继) Mục tiêu: - Hiểu và biết cách sử dụng các phương vị từ cùng với cấu trúc biểu thị sự tồn tại. - Hội thoại với chủ đề nói về phương hướng Nội dung cụ thể: 四、语法 五、语音 六、练习	2		[1] [3]	- Đọc trang 101-105 tài liệu [1] - Đọc trang 52 tài liệu [3] - Hoàn thành: Bài tập trang 105-112 tài liệu [1]
7	第二十四课我想学太极拳 Mục tiêu: - Phát âm và viết đúng các từ vựng về mong muốn, khả năng... - Biết cách sử dụng giới từ “再”, cấu trúc “从..到”. - Đọc và dịch lưu loát bài khóa Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释	2		[1]	- Đọc trang 114 - 118 tài liệu [1]
8	Kiểm tra học phần	2		[1] [2]	- Ôn tập từ mới và ngữ pháp từ bài 20 đến bài 23

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
				[3]	- Làm bài kiểm tra giữa học phần
9	第二十四课我想学太极拳 (继) Mục tiêu: - Hiểu và biết cách sử dụng các động từ năng nguyện. - Hội thoại với chủ đề nói về khả năng, mong muốn của bản thân. Nội dung cụ thể: 四、语法 五、语音 六、练习	2		[1] [2]	- Đọc trang 118- 121 tài liệu [1]. - Đọc trang 42, 71 tài liệu [2]. - Hoàn thành: Bài tập trang 122-127 tài liệu [1].
10	第二十五课她学得很好 Mục tiêu: - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Biết cách sử dụng cách nói “哪里”, phó từ “还” . - Đọc và dịch lưu loát bài khóa Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释	2		[1]	- Đọc trang 129 - 133 tài liệu [1] - Luyện nghe bài 25 tài liệu [1]
11	第二十五课她学得很好 (继) Mục tiêu: - Hiểu và biết cách sử dụng bổ ngữ trạng thái - Hội thoại với chủ đề nói về một ngày của bản thân sử dụng bổ ngữ trạng thái Nội dung cụ thể: 四、语法：状态补语 (1) 五、语音 六、练习	2		[1] [3]	- Đọc trang 133- 135 tài liệu [1] - Đọc trang 92-93 tài liệu [3] - Hoàn thành: Bài tập trang 136 - 142 tài liệu [1]
12	第二十六课田芳去哪儿了 Mục tiêu: - Phát âm và viết đúng các từ	2		[1] [3]	- Đọc trang 144 - 149 tài liệu [1]. - Đọc trang 12 tài liệu [3].

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	vụng trong bài. - Biết cách sử dụng trợ từ “吧”, cấu trúc “不是...吗”, “是不是”. - Đọc và dịch lưu loát bài khóa Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释				- Luyện nghe bài 26 tài liệu [1]
13	第二十六课 田芳去哪儿了 (继) Mục tiêu: - Hiểu và biết cách sử dụng trợ từ ngữ khí “了”, phó từ “再” và “又”. Nội dung cụ thể: 四、语法 五、语音 六、练习	2		[1] [3]	- Đọc trang 149 - 152 tài liệu [1]. - Đọc trang 60 tài liệu [3]. - Hoàn thành: Bài tập trang 152 - 158 tài liệu [1]
14	第二十七课 玛丽哭了 Mục tiêu: - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Biết cách sử dụng cấu trúc câu “怎么了”, “别……了”, phó từ “就”. - Đọc và dịch lưu loát bài khóa Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释	2		[1] [3]	- Đọc trang 160 - 166 tài liệu [1]. - Luyện nghe bài 27 tài liệu [1]
15	第二十七课 玛丽哭了 (继) Mục tiêu: - Hiểu và biết cách sử dụng trợ từ động thái “了”, cấu trúc câu “因为……所以”. Nội dung cụ thể: 四、语法	2		[1] [3]	- Đọc trang 166 - 168 tài liệu [1]. - Đọc trang 44-45; tài liệu [3]. - Hoàn thành: Bài tập trang 169 - 176 tài liệu [1].

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	五、语音 六、练习				

Ngày 02 tháng 8 năm 2019

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG KHOA TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Đăng Tiến

Nguyễn Thị Hoa